

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

HÀ NỘI, THÁNG 8 NĂM 2022

Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower,
số 88 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Chúng tôi, các thành viên Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022.

Hội đồng quản trị và Ban Điều hành

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

CÔNG TY

Công ty Cổ phần đầu tư Apax Holdings được thành lập theo quyết định của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0105824156 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 03 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 14 vào ngày 07 tháng 07 năm 2022.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 831.506.610.000 đồng (Tám trăm ba mươi một tỷ, năm trăm lẻ sáu triệu, sáu trăm mười nghìn đồng).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 83.150.661 cổ phần.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Thủy	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23/03/2022
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/03/2022
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/03/2022
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/03/2022
Ông Nguyễn Minh Chính	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/03/2022
Ông Sang Ho Jung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/03/2022

Các thành viên của Ban Điều hành, lãnh đạo quản lý đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Travis Richard Stewart	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/03/2022
Ông Nguyễn Hoàng Lương	Giám đốc tài chính	
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Thanh Thọ	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 23/03/2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Khuyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/03/2022
Bà Trần Thị Mỹ Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/03/2022
Bà Phạm Thị Diệp	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/03/2022

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Điều hành,

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Nguyễn Ngọc Thủy

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,506,077,836,555	2,430,664,848,768
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	303,962,346,321	696,974,721,111
1. Tiền	111		223,962,346,321	536,974,721,111
2. Các khoản tương đương tiền	112		80,000,000,000	160,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		510,000,000,000	300,000,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	100,000,000,000	100,000,000,000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		410,000,000,000	200,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,644,150,544,106	1,373,582,454,085
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	125,768,357,302	67,841,877,244
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	157,751,326,598	126,901,116,909
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.	140,872,149,710	305,039,669,710
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a.	1,220,202,164,118	877,821,890,164
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3.	(443,453,622)	(4,022,099,942)
IV. Hàng tồn kho	140		27,612,597,861	41,334,337,479
1. Hàng tồn kho	141	V.7.	27,612,597,861	41,334,337,479
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20,352,348,267	18,773,336,093
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a.	20,141,349,915	18,580,488,511
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		149,311,371	123,947,953
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.15.	61,686,981	68,899,629
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2,229,339,642,673	2,197,059,252,069
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		392,579,313,522	97,952,138,752
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		305,108,928,181	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b.	87,470,385,341	97,952,138,752
II. Tài sản cố định	220		783,854,996,873	897,176,620,153
1. TSCĐ hữu hình	221	V.9.	377,033,387,457	445,671,479,248
- Nguyên giá	222		764,938,583,648	786,913,585,425
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(387,905,196,191)	(341,242,106,177)
2. TSCĐ vô hình	227	V.10.	406,821,609,416	451,505,140,905
- Nguyên giá	228		468,154,957,015	506,731,641,142
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(61,333,347,599)	(55,226,500,237)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8.	29,581,115,947	17,515,219,330
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		29,581,115,947	17,515,219,330
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	580,909,341,720	592,127,476,594
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		580,795,341,720	592,013,476,594
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		239,100,000	239,100,000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(125,100,000)	(125,100,000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		442,414,874,611	592,287,797,240
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b.	160,001,460,447	281,154,374,854
2. Lợi thế thương mại	269	V.12.	282,413,414,164	311,133,422,386
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4,735,417,479,228	4,627,724,100,837

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30/06/2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3,147,936,682,976	3,075,217,232,653
I. Nợ ngắn hạn	310		1,769,936,932,811	1,663,963,336,609
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13.	124,361,439,676	144,106,554,147
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14.	126,221,946,305	67,825,091,826
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.15.	202,304,269,627	184,563,191,024
4. Phải trả người lao động	314		58,650,658,237	55,497,195,590
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16.	299,122,584,045	262,774,239,538
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17.	178,910,930,398	195,583,320,522
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18.	152,330,575,927	133,580,887,810
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19.	628,034,528,596	620,032,856,152
II. Nợ dài hạn	330		1,377,999,750,165	1,411,253,896,044
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.14.	-	-
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17.	12,220,188,744	22,115,080,946
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19.	1,361,787,316,619	1,382,275,725,033
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		3,992,244,802	6,863,090,065
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,587,480,796,252	1,552,506,868,184
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19.	1,587,480,796,252	1,552,506,868,184
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		831,506,610,000	831,506,610,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		831,506,610,000	831,506,610,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15,335,740,000	15,335,740,000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		91,029,620,882	69,577,395,441
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		72,790,788,819	2,358,204,908
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		18,238,832,063	67,219,190,533
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		649,608,825,370	636,087,122,743
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4,735,417,479,228	4,627,724,100,837

Hà Nội, ngày 1 tháng 8 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Thị Hải

Nguyễn Mạnh Phú

Nguyễn Ngọc Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, toà nhà Sky City Tower,
số 88 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu B 02 - DN/HN****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT***Quý 2 năm 2022*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2.2022	Quý 2.2021	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2022	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021	Đơn vị tính: VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	382,726,155,154	522,227,225,639	669,266,775,173	988,999,075,624	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	29,776,803	-	29,776,803	
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		382,726,155,154	522,197,448,836	669,266,775,173	988,969,298,821	
(10 = 01 - 02)							
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	221,760,027,556	396,861,100,123	435,406,562,395	719,655,002,682	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		160,966,127,598	125,336,348,713	233,860,212,778	269,314,296,139	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8,995,281,238	85,562,840,795	73,921,396,346	96,452,093,509	
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	39,264,873,749	41,606,689,484	85,431,002,039	67,377,103,045	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23						
8. Phần lãi hoặc (lỗ) từ trong công ty liên doanh, liên kết	24		781,865,126	(130,306,252)	781,865,126	(130,306,252)	
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	57,190,044,595	94,963,319,120	92,583,491,129	182,686,836,608	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	26,923,385,505	52,222,463,832	74,767,078,588	85,757,133,202	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		47,364,970,113	21,976,410,820	55,781,902,494	29,815,010,541	
{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}							
12. Thu nhập khác	31	VI.5	2,877,454,863	505,469,753	2,935,042,126	1,576,590,804	
13. Chi phí khác	32	VI.6	21,738,274,743	6,013,081,723	22,832,843,735	10,087,160,014	
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(18,860,819,880)	(5,507,611,970)	(19,897,801,609)	(8,510,569,210)	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28,504,150,233	16,468,798,850	35,884,100,885	21,304,441,331	
(50 = 30 + 40)							

16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	11,936,946,715	11,350,727,799	16,622,202,558	13,736,510,528
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(2,870,845,263)	1,472,422,175	(2,870,845,263)	1,472,422,175
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		19,438,048,781	3,645,648,876	22,132,743,590	6,095,508,628
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		-	-	18,238,832,063	11,060,941,626
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-	3,893,911,527	(4,965,432,988)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10				

Hà Nội, ngày 1 tháng 8 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Thị Hải

Nguyễn Mạnh Phú

Nguyễn Ngọc Thủy

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		35,884,100,884	21,304,441,331
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		89,990,221,365	97,112,290,945
-	Các khoản dự phòng	03		(3,578,646,320)	875,790,242
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(58,771,337,180)	(96,796,288,044)
-	Chi phí lãi vay	06		99,814,439,023	64,835,097,355
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	(276,289,858)
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		163,338,777,772	87,055,041,971
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(420,693,361,060)	60,531,934,068
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		13,721,739,618	(45,644,836,019)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1,142,168,406	27,128,843,352
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		119,592,053,003	72,376,588,951
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(49,731,063,347)	(52,196,343,401)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12,246,125,765)	(10,440,509,657)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(184,875,811,373)	138,810,719,265
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(17,482,913,777)	(19,283,238,428)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	13,000,000,000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(210,000,000,000)	(228,213,769,710)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			15,855,000,000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(389,869,693,748)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		12,000,000,000	40,800,000,000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		483,086,330	65,445,257,923
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(214,999,827,447)	(502,266,443,963)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		19,350,000,000	-
2.	Tiền thu từ đi vay	33		279,441,903,751	1,004,795,821,383
3.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(291,928,639,721)	(529,196,761,067)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6,863,264,030	475,599,060,316

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)*

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
				Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(393,012,374,790)	112,143,335,618
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		696,974,721,111	203,396,080,603
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	412,198
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.01	303,962,346,321	315,539,828,419

Hà Nội, ngày 1 tháng 8 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Thị Hải

Nguyễn Mạnh Phú

Nguyễn Ngọc Thủy

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Benchmark được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105824156 ngày 19/03/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 13 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 số 0105824156 ngày 23/09/2021 về thay đổi vốn điều lệ thì vốn điều lệ của Công ty là **831.506.610.000 VND** (Tám trăm ba mươi một tỷ, năm trăm linh sáu triệu, sáu trăm mười nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là IBC.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và tư vấn đầu tư, giáo dục đào tạo ngoại ngữ, trường mầm non.

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động giáo dục đào tạo ngoại ngữ, trường mầm non.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong khoảng thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2022 như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ
1. Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	Số 149 Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Giáo dục khác chưa phân vào đâu	66,36%	66,36%
2. Công ty Cổ phần Phát triển giáo dục Igarten	Tầng 10, số 14 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội	Giáo dục mầm non	51,19%	51,19%
3. Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia	Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	Giáo dục tiểu học	51,00%	51,00%

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1. Công ty Cổ phần Tập đoàn hạ tầng giáo dục	Số 12 ngách 1, ngõ 111 Nguyễn Xiển, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	35,76%	35,76%
2. Công ty Cổ phần Giáo dục tư duy và Sáng tạo CMS	Tầng 4, 21T2 Hapulico Complex, 81 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam	Giáo dục, đào tạo Toán tư duy	31,59%	31,59%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. Các chính sách kế toán chủ yếu**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Công ty phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua công ty con hoặc mua các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được trình bày riêng như một tài sản khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Giá gốc của lợi thế thương mại phát sinh là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch mua thêm phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax và được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Khi phần lỗ của Công ty liên kết mà Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

2. Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu***

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong năm bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng Standard Chartered - chi nhánh Lê Đại Hành tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng Standard Chartered - chi nhánh Lê Đại Hành tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng Standard Chartered - chi nhánh Lê Đại Hành tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng Standard Chartered - chi nhánh Lê Đại Hành tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

4. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

+ Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho là bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành của hàng tồn kho bất động sản bao gồm: chi phí tiền sử dụng đất và các chi phí phát triển đất, chi phí xây dựng phải trả cho nhà thầu, chi phí lãi vay, chi phí tư vấn thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ**8.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
Nhà cửa vật kiến trúc	03 - 25
Phương tiện vận tải	10
Máy móc, thiết bị	03 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

8.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT – BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất, Phần mềm máy tính và Bản quyền chương trình đào tạo tiếng Anh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của Công ty là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

Bản quyền chương trình đào tạo tiếng Anh

Nguyên giá của nhãn hiệu, bản quyền tác giả, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền tác giả, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Chương trình giảng dạy

Dự án xây dựng phát triển các sản phẩm hỗ trợ là toàn bộ chi phí chi ra có liên quan trực tiếp tới dự án bao gồm: Chi phí viết Bộ chương trình giảng dạy,... tại hệ thống trường mầm non trực thuộc Công ty. Chi phí tư vấn và giải mã gen tìm hiểu những khả năng tiềm ẩn, những thiên hướng đặc biệt của trẻ qua đó xây dựng phương pháp giáo dục và nuôi dưỡng phù hợp. Chi phí chuyên gia nước ngoài tư vấn, thẩm định, hỗ trợ chương trình. Dự án được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí đầu tư xây dựng Dự án Co-Learning, Dự án Trường liên cấp Firbank Australia và một số dự án khác chưa hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tập hợp chi phí của các dự án được thực hiện theo các trung tâm hình thành trong tương lai.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: chi phí thiết lập cơ sở vật chất các trung tâm dự án Apex Leaders, chi phí triển khai chương trình dự án 7 habits of highly effective, chương trình Apex Online, chi phí thuê địa điểm kinh doanh, chi phí thành lập doanh nghiệp chờ phân bổ, chi phí xây dựng các điểm trường, chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các chi phí chờ phân bổ khác.

Chi phí thiết lập cơ sở vật chất các trung tâm dự án Apex Leaders: Chi phí đầu tư của các trung tâm trong giai đoạn đầu tư không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

Chi phí triển khai chương trình dự án 7 habits of highly effective, chương trình Apex Online: Chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai chương trình 7 habits of highly effective, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

Trả trước tiền thuê địa điểm kinh doanh: Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ theo thời gian thuê thực tế theo thỏa thuận trên hợp đồng thuê.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập doanh nghiệp, các trung tâm trước ngày đạt đủ điều kiện hoạt động và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai. Chi phí thành lập được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày doanh nghiệp, các trung tâm chính thức đi vào hoạt động.

Chi phí xây dựng các điểm trường: Chi phí phát sinh cho việc phát triển dự án các điểm trường được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm kể từ khi có dự án chính thức đi vào hoạt động.

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 12 tháng đến 36 tháng.

Các khoản chi phí khác bao gồm chi phí chăm sóc khách hàng, chi phí thẻ nha khoa, chi phí thi công nội thất các trung tâm, chương trình Englisheye và các khoản chi phí công cụ xuất dùng chờ phân bổ... Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng trong thời gian tối đa không quá 3 năm.

11. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Standard Chartered - chi nhánh Lê Đại Hành.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước chi phí lãi vay, trích trước chi phí thi công nội thất các trung tâm phải trả, trích trước chi phí ghi danh học sinh và các khoản chi phí trích trước khác, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh. Chi phí lãi vay được trích trước căn cứ vào các Hợp đồng vay và các khế ước vay từng lần.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước tiền thu học phí của học sinh đã trả trước cho cả khóa học nhưng học sinh chưa hoàn thành khóa học, các khóa học có thời hạn một hoặc nhiều kỳ kế toán. Số tiền học phí học sinh đã trả trước được phân bổ và ghi nhận vào doanh thu từng kỳ theo thời gian học thực tế của từng học sinh.

Các khoản tiền thu trước học phí của học sinh nhưng học sinh chưa được bắt đầu học được phân loại sang khoản mục người mua trả tiền trước.

16. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (thiết bị hỗ trợ học tập) và doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn; doanh thu hoạt động giáo dục đào tạo.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi cho vay và thu cổ tức.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá và các khoản chi phí tài chính khác.

20. Các nghĩa vụ về thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức không chịu thuế GTGT đối với doanh thu từ hoạt động giáo dục đào tạo tiếng Anh, đào tạo mầm non; thuế suất 10% đối với doanh thu hoạt động tư vấn, doanh thu bán đồng phục học sinh và vận chuyển học sinh, ...

Thuế thu nhập doanh nghiệp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận vào báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<i>Tiền</i>	<i>223,962,346,321</i>	<i>536,974,721,111</i>
Tiền mặt (i)	100,828,285,369	132,663,842,380
Tiền gửi ngân hàng	118,030,910,439	403,940,748,731
Tiền đang chuyển (ii)	5,103,150,513	370,130,000
<i>Các khoản tương đương tiền (iii)</i>	<i>80,000,000,000</i>	<i>160,000,000,000</i>
Cộng	303,962,346,321	696,974,721,111

(i) Là số dư tiền mặt tại Văn phòng công ty mẹ, văn phòng các công ty con, các Trường mầm non của Công ty Cổ phần Phát triển giáo dục Igarten và các trung tâm Anh ngữ Apax tại ngày 30/06/2022.

(ii) Tiền đang chuyển là tiền đang chuyển giữa các ngân hàng và tiền học viên thanh toán qua thẻ ngân hàng nhưng tiền chưa chuyển về tài khoản Công ty

(iii) Là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3. Phải thu của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty cổ phần tập đoàn hạ tầng giáo dục	15,829,840,800	-	-	-
Công ty CP Công nghệ giáo dục Omni School	-	-	5,562,000,000	-
Phải thu của khách hàng tiền học phí	89,312,176,348	-	28,441,395,167	-
Nguyễn Vĩnh Hạnh	-	-	12,500,000,000	(2,256,000,000)
Đào Thị Tâm	-	-	9,500,000,000	(1,500,000,000)
Phạm Thị Thanh	6,598,000,000	-	-	-
Các đối tượng khác	14,028,340,154	(443,453,622)	11,838,482,077	(266,099,942)
Cộng	125,768,357,302	(443,453,622)	67,841,877,244	(4,022,099,942)

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

4. Trả trước cho người bán

30/06/2022

01/01/2022

VND

VND

a) Ngắn hạn

Công ty Cổ phần Thiết kế hạ tầng cơ sở	7,391,144,216	17,991,144,216
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ HN	1,532,289,906	9,598,126,812
Visang Education Inc	-	294,213,328
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Việt Quốc	1,184,098,352	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn giáo dục Egroup	38,652,977,594	35,000,519,085
Công ty Cổ Phần Phần mềm FIT	46,000,000,000	30,000,000,000
Cty TNHH Dịch vụ bảo vệ ca Thăng Long	14,216,948,000	9,292,271,055
Công ty cổ phần tập đoàn hạ tầng giáo dục	1,727,858,163	-
Lad Capital	571,000,000	-
Các đối tượng khác	46,475,010,367	24,724,842,413
Cộng	157,751,326,598	126,901,116,909

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

5. Phải thu về cho vay

Đơn vị tính: VND

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH Thương mại	4,750,000,000	-	4,750,000,000	-
Vận tải Schoolbus	-	-	24,635,000,000	-
Hoàng Hồng Trung	-	-	12,000,000,000	-
Trương Thị Kim Oanh	-	-	9,300,000,000	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ HN	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	43,703,769,710	-	43,703,769,710	-
Công ty CP English Now Global	45,580,000,000	-	-	-
Các đối tượng khác	46,838,380,000	-	210,650,900,000	-
Cộng	140,872,149,710	-	305,039,669,710	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6. Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	1,220,202,164,118	-	877,821,890,164	-
Tạm ứng	123,815,755	-	13,782,893,794	-
Các đối tượng khác	123,815,755	-	13,782,893,794	-
Cầm cố, ký cược, ký quỹ	213,302,119,605	-	800,411,983,814	-
Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	-	-	4,800,000,000	-
Công ty TNHH MTV Nam Phong	-	-	473,400,000,000	-
Công ty Cổ phần Terra Gold Việt Nam	75,852,789,350	-	75,852,789,350	-
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Xây dựng công trình TCT	20,167,535,791	-	30,000,000,000	-
Công ty CP Tập đoàn Hạ tầng Giáo dục	49,500,000,000	-	49,500,000,000	-
Lưu Quang Thịnh	66,268,000,000	-	66,268,000,000	-
Các đối tượng khác	1,513,794,464	-	100,591,194,464	-
Phải thu khác	1,006,710,867,258	-	61,474,418,108	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải SchoolBus	-	-	840,700,000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị giáo dục Eschool	31,076,161,000	-	30,529,800,000	-
Các đối tượng khác	975,634,706,258	-	30,103,918,108	-
Dự nợ phải trả khác	65,361,500	-	2,152,594,448	-
b) Dài hạn	87,470,385,341	-	97,952,138,752	-
Tạm ứng	1,976,377,695	-	-	-
Cầm cố, ký cược, ký quỹ	85,494,007,646	-	97,952,138,752	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn giáo dục Egroup	25,472,427,771	-	25,472,427,771	-
Công ty Cổ phần Nam Hải	2,100,000,000	-	2,100,000,000	-
Đặt cọc thuê mặt bằng	56,148,566,125	-	68,692,565,039	-
Các đối tượng khác	1,773,013,750	-	1,687,145,942	-
Cộng	1,307,672,549,459	-	975,774,028,916	-

7. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng tồn kho	27,612,597,861	-	41,334,337,479	-
Cộng	27,612,597,861	-	41,334,337,479	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, toà nhà Sky City Tower,
số 88 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**8. Tài sản dở dang dài hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>		
Chi phí phát triển dự án các điểm trường (1)	2,709,113,051	2,709,113,051
Dự án Trường liên cấp Firbank Australia	26,872,002,896	14,806,106,279
Dự án Co-Learning	-	-
Các dự án khác	-	-
Cộng	29,581,115,947	17,515,219,330

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
<i>Nguyên giá</i>					
Số dư ngày 01/01/2022	762,613,975,829	12,706,634,455	7,248,081,035	4,344,894,106	786,913,585,425
Mua trong năm	2,943,910,477	-	-	32,945,455	2,976,855,932
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tặng khác	1,401,407,800	18,091,667	-	-	1,419,499,467
Chuyển từ hàng hóa BĐS đầu tư sang (i)	(14,113,893,950)	-	-	-	(14,113,893,950)
Thanh lý, nhượng bán	(10,856,055,426)	-	-	(1,401,407,800)	(12,257,463,226)
Giảm khác (ii)	-	-	-	-	-
Phân loại lại giữa các nhóm tài sản	-	-	-	-	-
Chuyển sang hàng hóa BĐS (**)	-	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2022	741,989,344,730	12,724,726,122	7,248,081,035	2,976,431,761	764,938,583,648
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số dư ngày 01/01/2022	323,976,020,016	11,689,278,600	2,594,582,208	2,982,225,353	341,242,106,177
Khấu hao trong năm	50,922,687,118	531,641,066	361,404,774	3,347,632,823	55,163,365,781
Tặng khác (**)	911,306,279	-	-	-	911,306,279
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(8,500,275,767)	-	-	(911,306,279)	(8,500,275,767)
Giảm khác (*)	-	-	-	-	(911,306,279)
Phân loại lại khấu hao giữa các nhóm tài sản	-	-	-	-	-
Chuyển sang hàng hóa BĐS (**)	-	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2022	367,309,737,646	12,220,919,666	2,955,986,982	5,418,551,897	387,905,196,191
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày 01/01/2022	438,637,955,813	1,017,355,855	4,653,498,827	1,362,668,753	445,671,479,248
Số dư ngày 30/06/2022	374,679,607,084	503,806,456	4,292,094,053	(2,442,120,136)	377,033,387,457

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, toà nhà Sky City Tower,
số 88 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình	Đơn vị tính: VND
Khoản mục	Cộng
<i>Nguyên giá</i>	
Số dư ngày 01/01/2022	506,731,641,142
Mua trong năm	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-
Tăng khác (i)	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-
Thanh lý, nhượng bán	-
Giảm khác (ii)	(38,576,684,127)
Số dư ngày 30/06/2022	468,154,957,015
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	
Số dư ngày 01/01/2022	55,226,500,237
Khấu hao trong năm	6,106,847,362
Tăng khác	-
Thanh lý, nhượng bán	-
Giảm khác	-
Số dư ngày 30/06/2022	61,333,347,599
<i>Giá trị còn lại</i>	
Tại ngày 01/01/2022	451,505,140,905
Số dư ngày 30/06/2022	406,821,609,416

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

11. Chi phí trả trước

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn	20,141,349,915	18,580,488,511
Chi phí thuê địa điểm kinh doanh	7,629,437,537	12,109,210,913
Chi phí bảo hiểm	115,540,837	-
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	2,358,679,488	22,676,149
Chi phí chăm sóc khách hàng	-	2,475,000,000
Chi phí trả trước khác	9,473,071,718	3,973,601,449
Chi phí thẻ nha khoa	493,333,320	-
Phí bán quyền email	71,287,015	-
b) Dài hạn	160,001,460,447	281,154,374,854
Chi phí thiết lập cơ sở vật chất các trung tâm dự án Apax Leader	66,523,355,902	129,398,250,872
Chi phí triển khai chương trình 7 habits of highly effective	13,878,615,260	31,809,844,246
Chương trình Apax Online	8,757,922,172	14,596,536,968
Chi phí thuê địa điểm kinh doanh trả trước	62,303,093,572	70,256,680,000
Chương trình Englisheye	-	4,493,659,440
Chi phí mua bán quyền phần mềm	26,613	2,501,613
Chi phí thành lập doanh nghiệp chờ phân bổ	-	1,935,115,331
Chi phí đầu tư tại các trường mầm non	2,833,003,516	10,432,942,420
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1,378,962,570	350,382,184
Chi phí thi công nội thất các trung tâm	947,343,211	13,951,969,895
Chi phí thẻ nha khoa	442,041,600	1,233,333,324
Chi phí trả trước khác	2,937,096,031	2,693,158,561
Cộng	180,142,810,362	299,734,863,365

12. Lợi thế thương mại

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	311,133,422,386	368,573,438,830
Tăng trong năm	-	-
Phân bổ vào chi phí trong năm	(28,720,008,222)	(57,440,016,444)
Tại ngày cuối năm	282,413,414,164	311,133,422,386

Lợi thế thương mại phát sinh do mua công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

13. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	124,361,439,676	124,361,439,676	144,106,554,147	144,106,554,147
Chungdahm Learning, Inc	16,989,331,840	16,989,331,840	16,989,331,840	16,989,331,840
CN CTY TNHH KONICA MINOLTA BUSINESS	3,674,155,879	3,674,155,879	-	-
Công ty TNHH Dịch Vụ và DL Quốc Tế Á Châu	3,226,864,160	3,226,864,160	-	-
Chi nhánh tại tỉnh Hà Tĩnh - Công ty TNHH Vincom Retail	3,200,660,996	3,200,660,996	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Bộ Ba	1,858,542,856	1,858,542,856	120,657,098	120,657,098
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng công trình TCT	-	-	10,514,859,914	10,514,859,914
Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư Ecapital	-	-	13,550,516,100	13,550,516,100
Công ty TNHH KPMG	1,384,748,200	1,384,748,200	1,384,748,200	1,384,748,200
Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland	409,638,800	409,638,800	367,327,200	367,327,200
Công ty TNHH Kiến tạo và kiệt tác	598,569,086	598,569,086	-	-
Các đối tượng khác	93,018,927,859	93,018,927,859	101,179,113,795	101,179,113,795
Cộng	124,361,439,676	124,361,439,676	144,106,554,147	144,106,554,147

14. Người mua trả tiền trước

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn	126,221,946,305	67,825,091,826
Các đối tượng khác	126,221,946,305	67,825,091,826
b) Dài hạn	-	-
Các đối tượng khác	-	-
Cộng	126,221,946,305	67,825,091,826

(*) Khoản người mua trả tiền trước phản ánh số tiền thu được của học sinh sau khi ký kết hợp đồng nhưng chưa đúng thời hạn học.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/06/2022
<i>Phải nộp</i>				
Thuế GTGT	2,611,700,985	2,172,100,901	2,296,900,655	2,486,901,231
Thuế thu nhập doanh nghiệp	51,079,949,167	16,622,202,557	12,246,125,765	55,456,025,959
Thuế thu nhập cá nhân	121,142,434,604	17,175,847,403	7,302,454,823	131,015,827,184
Các loại thuế khác	1,960,931,020	483,397,989	417,803,565	2,026,525,444
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	7,768,175,248	7,357,926,361	3,807,111,800	11,318,989,809
Cộng	184,563,191,024	43,811,475,211	26,070,396,608	202,304,269,627
<i>b) Phải thu</i>				
Các loại thuế khác	68,899,629	8,212,648	1,000,000	61,686,981
Cộng	68,899,629	8,212,648	1,000,000	61,686,981
16. Chi phí phải trả			30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>				
Trích trước chi phí thi công nội thất các trung tâm			-	15,739,136,636
Trích trước chi phí ghi danh học sinh			145,155,491,711	64,987,070,658
Trích trước chi phí lương, thưởng			-	11,062,047,323
Trích trước chi phí thuê địa điểm kinh doanh			20,042,105,273	70,329,360,442
Trích trước chi phí lãi vay, lãi trái phiếu			22,741,150,229	16,359,964,396
Trích trước chi phí tài sản cố định phải trả			30,647,877,224	24,952,756,244
Trích trước chi phí khác			80,535,959,608	59,343,903,839
Cộng			299,122,584,045	262,774,239,538

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

17. Doanh thu chưa thực hiện	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>178,910,930,398</i>	<i>195,583,320,522</i>
Tiền học phí thu trước	178,910,930,398	195,583,320,522
<i>b) Dài hạn</i>	<i>12,220,188,744</i>	<i>22,115,080,946</i>
Tiền học phí thu trước	12,220,188,744	22,115,080,946
Cộng	191,131,119,142	217,698,401,468
18. Phải trả khác	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<i>152,330,575,927</i>	<i>133,580,887,810</i>
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	92,282,630,473	88,411,588,944
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	228,010,000	228,030,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	59,819,935,454	44,941,268,866
<i>Công ty cổ phần Anh ngữ Apax Academy</i>	-	<i>18,157,211,689</i>
<i>Công ty cổ phần Anh ngữ Apax Speedy</i>	-	<i>2,142,494,497</i>
<i>Chungdahm Learning, Inc</i>	-	<i>5,877,107,550</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>59,819,935,454</i>	<i>18,764,455,130</i>
Cộng	152,330,575,927	133,580,887,810

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

19. **Vốn chủ sở hữu**a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	815,897,350,000		2,358,204,908	233,237,828,043	1,051,493,382,951
Tăng trong năm	15,609,260,000	15,335,740,000	112,265,496,006	402,849,294,700	546,059,790,706
Tăng khác					-
Phân phối lợi nhuận					-
Giảm khác			(45,046,305,473)	-	(45,046,305,473)
Số dư đầu năm nay	831,506,610,000	15,335,740,000	69,577,395,441	636,087,122,743	1,552,506,868,184
Tăng vốn trong kỳ					-
Lãi trong kỳ			18,238,832,062	3,893,911,527	22,132,743,589
Ảnh hưởng do thanh lý công ty con			17,336,116,849	14,777,791,100	32,113,907,949
Công ty con tăng vốn				19,350,000,000	19,350,000,000
Phân phối lợi nhuận					-
Giảm khác		-	(14,122,723,471)	(24,500,000,000)	(38,622,723,471)
Số cuối kỳ	831,506,610,000	15,335,740,000	91,029,620,881	649,608,825,370	1,587,480,796,251

b) **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn giáo dục Egroup	496,899,990,000	496,899,990,000
Các đối tượng khác	334,606,620,000	334,606,620,000
Cộng	831,506,610,000	831,506,610,000

c) **Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	KỶ NAY	KỶ TRƯỚC
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	831,506,610,000	815,897,350,000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	831,506,610,000	815,897,350,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) **Cổ phiếu**

	30/06/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	83,150,661	81,589,735
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	83,150,661	81,589,735
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>83,150,661</i>	<i>81,589,735</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	83,150,661	81,589,735
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>83,150,661</i>	<i>81,589,735</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, toà nhà Sky City Tower,
số 88 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	KỶ NAY VND	KỶ TRƯỚC VND
<i>a) Doanh thu</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	-	835,999,902
Doanh thu cung cấp dịch vụ	669,266,775,173	979,321,722,518
Doanh thu khác	-	8,841,353,204
Cộng	669,266,775,173	988,999,075,624

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

2. Giá vốn hàng bán

	KỶ NAY VND	KỶ TRƯỚC VND
Giá vốn bán hàng hóa	-	709,096,885
Giá vốn cung cấp dịch vụ	435,406,562,395	717,873,607,397
Giá vốn khác	-	1,072,298,400
Cộng	435,406,562,395	719,655,002,682

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	KỶ NAY VND	KỶ TRƯỚC VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	19,500,396,346	7,839,981,998
Lãi khoản đặt cọc cho ông Nguyễn Ngọc Thủy	-	13,335,821,653
Lãi chuyển nhượng quyền mua cổ phần <i>Công ty Cổ phần quản lý quỹ đầu tư FPT</i>	54,420,000,000	75,000,000,000
<i>Ông Nguyễn Ngọc Thủy</i>	15,120,000,000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1,000,000	276,289,858
Cộng	73,921,396,346	96,452,093,509

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính	KỶ NAY	KỶ TRƯỚC
	VND	VND
Chi phí lãi vay	50,137,514,582	48,330,198,033
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	313,220,291
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	7,220,063	153,875,000
Lãi trái phiếu phát hành	49,676,924,441	16,504,899,322
Chi phí phát hành trái phiếu	2,032,443,645	647,274,155
Chi phí tài chính khác	242	1,427,636,244
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(16,423,100,934)	
Cộng	85,431,002,039	67,377,103,045
5. Thu nhập khác	KỶ NAY	KỶ TRƯỚC
	VND	VND
Xử lý công nợ bán sách	806,800	557,165,917
Thu về hợp tác bán sách	138,483,586	233,417,804
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	620,484,393
Thu nhập khác	2,795,751,740	165,522,690
Cộng	2,935,042,126	1,576,590,804
6. Chi phí khác	KỶ NAY	KỶ TRƯỚC
	VND	VND
Chi về hợp tác bán sách	-	-
Tiền phạt thuế và lãi chậm nộp bảo hiểm	11,416,441,459	4,768,382,783
Lãi trả chậm tiền thuê các trung tâm		1,293,065,528
Lãi ước tính chậm nộp thuế	7,255,286,930	2,133,320,677
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	3,044,704,377	-
Khoản tiền đặt cọc không thu hồi được	-	-
Chi phí khác	1,116,410,969	1,892,391,026
Cộng	22,832,843,735	10,087,160,014
7. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	KỶ NAY	KỶ TRƯỚC
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	92,583,491,129	182,686,836,608
Chi phí nhân viên bán hàng	79,703,761,430	137,994,261,828
Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	1,156,545,904	-
Chi phí dụng cụ đồ dùng	-	1,437,233,315
Chi phí khấu hao TSCĐ	77,506,794	79,074,936
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10,852,216,041	36,450,819,845
Chi phí bằng tiền khác	793,460,960	6,725,446,684

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGSĐịa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, toà nhà Sky City Tower,
số 88 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	74,767,078,588	85,757,133,202
Chi phí nhân viên quản lý	34,269,177,460	41,846,084,643
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	187,943,258	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	122,273,122	1,215,475,693
Chi phí khấu hao TSCĐ	2,065,611,979	2,092,552,321
Thuế, phí, lệ phí	167,570,455	278,375,954
Chi phí dự phòng	(3,615,496,320)	919,790,242
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10,468,601,281	9,945,658,863
Lợi thế thương mại phân bổ	28,720,008,222	28,720,008,222
Chi phí bằng tiền khác	2,381,389,131	739,187,264
c) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Cộng	167,350,569,717	268,443,969,810

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	KỶ NAY VND	KỶ TRƯỚC VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23,564,758,268	8,790,392,638
Chi phí nhân công	684,001,142,084	434,485,803,791
Chi phí khấu hao tài sản cố định	89,990,221,365	97,112,290,945
Chi phí dịch vụ mua ngoài	764,871,990,465	306,574,300,250
Chi phí bằng tiền khác	10,204,597,663	109,288,727,753
Cộng	1,572,632,709,845	956,251,515,377

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	KỶ NAY VND	KỶ TRƯỚC VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập năm chịu thuế hiện hành	16,622,202,558	13,736,510,528
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16,622,202,558	13,736,510,528

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Thu nhập và các khoản vay của các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	KỶ NAY VND	KỶ TRƯỚC VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	828,034,200	740,142,062
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị	360,000,000	360,000,000
Thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát	24,000,000	24,000,000
Cộng	1,212,034,200	1,124,142,062

Chi tiết từng thành viên như sau:

Thu nhập Ban Điều hành

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	KỶ NAY VND	KỶ TRƯỚC VND
Travis Richard Stewart	Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm)	-	-
Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc (Từ nhiệm)	-	290,906,462
Bà Trần Thị Mỹ Nga	Phó Tổng giám đốc (Từ nhiệm)	-	449,235,600
Nguyễn Hoàng Lương	Giám đốc tài chính (Bỏ nhiệm)	828,034,200	-
Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng	-	-
Cộng		828,034,200	740,142,062

Thù lao các thành viên Hội đồng quản trị

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	6 tháng đầu năm 2022 VND
Nguyễn Ngọc Thùy	Chủ tịch	180,000,000
Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên	90,000,000
Quách Mạnh Hào	Thành viên	30,000,000
Nguyễn Minh Chính	Thành viên Độc lập	30,000,000
Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên Độc lập	30,000,000
Cộng		360,000,000

Thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	Năm 2021 VND
Phạm Thị Thanh Thọ	Trưởng BKS	12,000,000
Nguyễn Thị Thanh Khuyên	Thành viên BKS	6,000,000
Trần Thị Mỹ Nga	Thành viên BKS	6,000,000
Cộng		24,000,000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

VII. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 1 tháng 8 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Thị Hải

Nguyễn Mạnh Phú

Nguyễn Ngọc Thủy